

# CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍNH CÁCH NGƯỜI NGHỆ

NGUYỄN THỊ HOÀI LÊ\*

NGUYỄN THỊ LÊ\*\*

*Từ khóa: tính cách, các yếu tố ảnh hưởng đến tính cách, người Nghệ.*

*Ngày nhận bài: 25/10/2020; ngày gửi phản biện: 26/10/2020; ngày duyệt đăng bài: 15/11/2020.*

## **Đặt vấn đề**

Tính cách con người từ lâu đã là chủ đề thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học từ các ngành khác nhau trên thế giới. Nghiên cứu về tính cách thường được xem như là của lĩnh vực tâm lý học, nhưng trên thực tế, chủ đề này được tiếp cận đa ngành, trong đó tích hợp cả sinh học, địa lý học, văn hóa học, xã hội học, nhân học,... (Larsen và Buss, 2008; Rentfrow et al., 2008; 2013; Church, 2017a). Trong khi các lý thuyết lớn tập trung vào việc tìm hiểu bản chất tính cách con người nhằm cố gắng đưa ra những miêu tả phổ quát về các đặc điểm tâm lý, tính cách của loài người nói chung, thì các nghiên cứu thực nghiệm gần đây lại tập trung vào việc phân tích sự khác nhau về mặt tính cách giữa các cá nhân và các nhóm người khác nhau (Larsen và Buss, 2008, tr. 13 - 14); từ đó, kéo theo rất nhiều nghiên cứu với các khung lý thuyết và cách tiếp cận nhằm làm rõ sự khác nhau này cũng như giải thích các cơ chế và yếu tố dẫn tới sự khác nhau đó.

Ở Việt Nam, chủ đề này cũng đã sớm được quan tâm nghiên cứu. Các nghiên cứu trong nước thường đặt con người trong bối cảnh văn hóa chung để chỉ ra những nét “tính cách nổi trội” của con người Việt Nam như là “tính cách dân tộc” hay là các “giá trị tinh thần truyền thống” hay “giá trị văn hóa con người Việt Nam” (Nguyễn Hồng Phong, 1963; Nguyễn Văn Huyền, 1990; Đào Duy Anh, 1992; Trần Văn Giàu, 2011; Trần Ngọc Thêm, 2016). Sự khác nhau trong tính cách giữa các nhóm người hay vùng/miền cũng được chỉ ra ít nhiều trong các nghiên cứu về văn hóa vùng/miền ở nước ta (Đình Gia Khánh và Cù Huy Cận, 1995; Ngô Đức Thịnh, 2019); hay các nghiên cứu tập trung vào tâm lý/tính cách tộc người (Vũ Dũng, 2009; Trần Lệ Thanh, 2012); hay các chuyên khảo về văn hóa, con người ở các địa phương khác nhau trên cả nước như xứ Thanh (Quốc Chấn, 2003) hay Hà Nội (Hoàng Đạo Thúy, 1998).

Trong số những chuyên khảo này, nghiên cứu về tính cách của người xứ Nghệ chiếm số lượng đáng kể. Có nhận định cho rằng: “chưa có địa phương nào ở nước ta mà được nhiều người góp bàn về tâm lý, tính cách như với con người xứ Nghệ” (Hà Nguyễn, 2013, tr. 15). *Nghệ An kí* được viết vào khoảng đầu thế kỷ XIX của Hoàng giáp Bùi Dương Lịch (1757 - 1828) có lẽ là một trong những tư liệu sớm nhất viết về đất và người

---

\* PGS.TS.; Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

\*\* TS.; Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

xứ Nghệ mà hầu hết các nghiên cứu về chủ đề này đều nhắc đến và trích dẫn<sup>1</sup>. Các nghiên cứu sau này tiếp nối và phát triển thêm nhiều luận điểm về đặc điểm tính cách con người xứ Nghệ với hàm ý tập trung làm rõ các tính cách đặc thù của con người nơi đây, những tính cách được cho là “khác” hoặc “đậm” hơn so với các vùng/miền khác<sup>2</sup>. Với những tư liệu sẵn có đã đề cập khá nhiều đến những nét tính cách riêng của người Nghệ, nhưng lại khó để xác định rõ cơ chế nào dẫn đến những nét tính cách này hay là những yếu tố tác động đến tính cách người Nghệ một cách tổng thể. Bài viết dựa trên những tư liệu sẵn có về tính cách người Nghệ, kết hợp với tham khảo các hướng tiếp cận và khung phân tích về nghiên cứu tính cách vùng/miền đã được thực hiện trên thế giới nhằm trình bày một cách hệ thống các yếu tố ảnh hưởng tới tính cách người Nghệ, từ đó, tiếp tục thảo luận về một số vấn đề đặt ra khi nghiên cứu chủ đề này.

#### ***Khái niệm tính cách và các yếu tố ảnh hưởng đến tính cách***

Theo định nghĩa của *Từ điển tiếng Việt*, tính cách là “Tổng thể nói chung những đặc điểm tâm lí ổn định trong cách cư xử của một người, biểu hiện thái độ điển hình của người đó trong những hoàn cảnh điển hình” (Viện Ngôn ngữ học, 1998, tr. 964). Trong các tài liệu nghiên cứu về tính cách trên thế giới, tính cách (personality), được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau tùy theo cách tiếp cận và chuyên ngành nghiên cứu, trong đó, định nghĩa của Larsen và Buss tương đối ngắn gọn, đầy đủ, dễ hiểu và khá tương đồng với các nghiên cứu về tính cách tại Việt Nam: “Tính cách là tập hợp các đặc điểm tâm lí và cơ chế trong mỗi cá nhân được sắp xếp và tương đối ổn định và ảnh hưởng tới sự tương tác, thích nghi với môi trường vật lí, xã hội và nội tâm” (Larsen và Buss, 2008, tr. 4). Mặc dù định nghĩa về tính cách khá rộng, nhưng nó hàm nghĩa tính cách có thể được phân tích ở ba cấp độ: 1) Nghiên cứu tính cách phổ quát trên toàn thể dân số - các nhà nghiên cứu thường lí thuyết hóa về tính cách và sự thay đổi của nó qua các thời kì phát triển từ thơ ấu tới khi con người trưởng thành; 2) Nghiên cứu sự khác nhau giữa các nhóm - thường là nhóm giới tính, nhóm: dân tộc, tuổi, đảng phái chính trị, văn hóa, vùng miền và 3) Nghiên cứu sự khác biệt cá nhân - chỉ ra sự khác nhau trong tính cách ở mỗi cá nhân.

Ở đây tính cách sẽ được bàn đến theo cấp độ nghiên cứu mang tính nhóm, cụ thể là nhóm theo vùng/miền và văn hóa vùng/miền. Mặt khác, bài viết được định vị trong cách tiếp cận nhân học văn hóa về đa dạng văn hóa và so sánh xuyên văn hóa về tính cách. Theo cách tiếp cận này, con người sống ở các vùng văn hóa khác nhau sẽ có những đặc điểm tính cách khác nhau hay còn gọi là sự đa dạng về văn hóa - mô hình của sự giống nhau

---

<sup>1</sup> *Nghệ An kí* được viết bằng chữ Hán, bản về các vấn đề thiên nhiên, con người, lịch sử của một địa phương bao gồm tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh ngày nay, được dịch lần đầu năm 1993, chỉnh sửa và tái bản năm 2004. Bài viết tham khảo tài liệu dịch và tái bản năm 2004 (Bùi Dương Lịch, 2004).

<sup>2</sup> Xem thêm: Đinh Gia Khánh (1997); Trần Quốc Vượng (1997); Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ (2001); Nguyễn Nhã Bản (chủ biên) (2001); Ninh Viết Giao (2004); Chu Trọng Huyền (2004); Nguyễn Đông Chi (2010); Hà Nguyễn (2013); Vũ Thị Phương Lê (2013); Nguyễn Thái Sơn và Nguyễn Văn Sang (2014); Hồ Bất Khuất (2019);...

về tính cách trong một nhóm và sự khác nhau giữa các nhóm (Larsen và Buss, 2008, tr. 581). Về mặt lí thuyết, tính cách có thể được quan sát và nghiên cứu để thấy sự khác nhau giữa các nhóm về các đặc điểm của tính cách. Đó là những người trong một nhóm có thể có những tính cách chung nào đó, và những đặc điểm chung này làm cho nhóm này khác với các nhóm khác. Lĩnh vực nghiên cứu về văn hóa và tính cách trong nhân học, với sự tham gia của các nhà tâm lí học và tâm thần học đã xuất hiện ở nửa đầu thế kỉ XX, nở rộ vào những năm 1930, 1940 (Church, 2017b, tr. 6) và tiếp tục được khai thác trong những năm gần đây.

### ***Xứ Nghệ và người Nghệ***

Như vậy, tính cách được bàn tới ở đây là tính cách chung của *nhóm người sống ở xứ Nghệ* từ cách tiếp cận nhân học văn hóa về đa dạng văn hóa và so sánh xuyên văn hóa. Nói cách khác, tính cách người Nghệ ở đây được đặt trong mối tương quan với vùng địa lí - văn hóa, hay nói theo cách của Trần Quốc Vượng (1998) là đặt trong cái nhìn “địa văn hóa” xứ Nghệ. Phần lớn các nhà nghiên cứu đều nhất quán trong cách hiểu về địa vực *xứ Nghệ*, trong đó, xứ Nghệ được hiểu như một vùng văn hóa gồm hai tỉnh là Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay<sup>3</sup>. Vùng đất này vẫn được xem như là một “đơn vị truyền thống, thống nhất về mặt văn hóa dân gian” (Nguyễn Đông Chi, 2010, tr. 17) và “tồn tại như một chỉnh thể của một vùng văn hóa” (Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ, 2001, tr. 14). Vùng văn hóa này còn được gọi là tiểu vùng văn hóa xứ Nghệ hay là văn hóa Lam Hồng, bởi có chung núi Hồng, sông Lam (Hà Nguyễn, 2013, tr. 9).

Các nghiên cứu về tính cách con người xứ Nghệ, dù được các nhà nghiên cứu bàn luận theo nhiều cách khác nhau nhưng hầu hết đều cho rằng người Nghệ có những nét đặc thù về tính cách, thậm chí có ý kiến còn cho rằng, ở Việt Nam, hầu như không ai bàn cãi về việc người xứ Nghệ có những đặc tính riêng và được mặc nhiên công nhận có nhiều nét khác với những người vùng miền khác (Hồ Bất Khuất, 2019). Mặc dù, “để có một phát biểu trọn vẹn về tính cách con người xứ Nghệ còn là điều rất khó” (Chu Trọng Huyền, 2004, tr. 151), các nghiên cứu về tính cách người Nghệ cũng đã đưa ra một số điểm chung về tính cách của nhóm người này, đó là: cần kiệm; trung dũng; khảng khái và quyết liệt (xem thêm Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ, 2001; Chu Trọng Huyền, 2004).

### ***Các yếu tố ảnh hưởng đến tính cách người Nghệ***

Các nghiên cứu về tính cách người Nghệ ít khi trực tiếp chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng mà thường nhắc đến trong một vài nhận định chung, hoặc tản mạn trong mỗi nét tính cách, hoặc ngầm nhắc đến trong các trình bày về điều kiện địa lí, tự nhiên, văn hóa, lịch sử về vùng đất này. Chẳng hạn như Đinh Gia Khánh cho rằng “Môi trường thiên nhiên và tiến trình lịch sử đã tạo nên con người Nghệ Tĩnh với những nét độc đáo” (Đinh Gia Khánh, 1997, tr. 110). Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ cho rằng, những nét tính cách của con người xứ Nghệ “là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố như địa lí, lịch sử,

<sup>3</sup> Xem thêm: Đinh Gia Khánh và Cù Huy Cận (1995); Đinh Gia Khánh (1997); Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ (2001); Hà Nguyễn (2013); Ngô Đức Thịnh (2019); Nguyễn Nhã Bản (2001); Nguyễn Đông Chi (2010).

kinh tế, văn hóa,... của một vùng đất, qua trường kì lịch sử (Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ, 2001, tr. 28). Hà Nguyễn cho rằng “Yếu tố thiên nhiên, lịch sử đã ảnh hưởng đến con người nơi đây” (Hà Nguyễn, 2013, tr. 29). Nguyễn Thái Sơn và Nguyễn Văn Sang (2014) cho rằng, chính điều kiện tự nhiên, văn hóa, lịch sử đã tạo cho con người xứ Nghệ một nét tính cách riêng để phân biệt với các địa phương khác. Gần đây, Hồ Bất Khuất (2019) cho rằng, về nguyên tắc, có ba yếu tố cơ bản tạo nên tính cách con người và cả ba yếu tố này ở xứ Nghệ đều có những đặc điểm rất đáng chú ý, đó là: (1) thiên nhiên, (2) sinh hoạt cộng đồng làng xóm và (3) giáo dục truyền thống gia đình.

Có nhiều nghiên cứu thực nghiệm của nước ngoài cũng chỉ ra sự khác nhau về tính cách giữa các quốc gia, đồng thời cố gắng đưa ra các yếu tố giải thích cho sự khác biệt này, từ khí hậu, văn hóa cho tới các hình thức di dân và gien di truyền (Rentfrow, 2010). Nghiên cứu xuyên văn hóa về tính cách rất chú ý đến việc kết nối các khía cạnh sinh thái, tự nhiên và văn hóa của tính cách (Church, 2017b, tr. 33). Đặc biệt, đi sâu hơn vào nghiên cứu sự khác nhau về tính cách giữa các vùng/miền ở nước Mỹ và nước Anh, Rentfrow (2010), Rentfrow et al. (2015), Rentfrow và Jokela (2017) đúc kết lại có ba yếu tố chính ảnh hưởng tới tính cách mỗi vùng địa lí: (1) sự di dân có tính chọn lọc (selective migration), (2) các ảnh hưởng xã hội (social influence) và (3) các ảnh hưởng sinh thái (ecological influence).

Trên cơ sở kế thừa và chất lọc các công bố đi trước, bài viết sẽ trình bày ba yếu tố chính ảnh hưởng tới tính cách người Nghệ gồm: 1) yếu tố môi trường tự nhiên; 2) yếu tố môi trường xã hội, 3) yếu tố di dân và gien di truyền. Đáng lưu ý, các yếu tố này phải được đặt trong cách nhìn lịch sử và biện chứng. Bởi vì chiều cạnh sinh thái và văn hóa có tính đa chiều lại thường kết hợp, tương tác với nhau để tác động tới tính cách (Church, 2017b, tr. 33).

### **1. Yếu tố môi trường tự nhiên**

Ngày càng nhiều các nghiên cứu trên thế giới thừa nhận ảnh hưởng sâu sắc đặc điểm của môi trường tự nhiên tới quá trình tâm lí và tính cách của con người. Trong đó đáng chú ý là nghiên cứu và lí thuyết của Van de Vliert (2009, 2013), chỉ ra điều kiện khí hậu và kinh tế tương tác lẫn nhau và ảnh hưởng lên các niềm tin, giá trị và từ đó lên tính cách của con người. Van de Vliert đề xuất lí thuyết mới trong nghiên cứu về sự tương tác giữa tài nguyên khí hậu và kinh tế ảnh hưởng tới các khía cạnh của bản sắc văn hóa, hay là văn hóa và tính cách với việc phân chia các loại hình môi sinh: đe dọa (threatening: khí hậu khắc nghiệt và tài nguyên hiếm hoi); không đe dọa (unthreatening: khí hậu không khắc nghiệt và tài nguyên hiếm hoi); thử thách (challenging: khí hậu khắc nghiệt và tài nguyên giàu có); không thử thách (unchallenging: khí hậu không khắc nghiệt và tài nguyên giàu có). Tác giả tổng quan các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các môi sinh đe dọa thường gắn với tính tập thể cao, sự sợ hãi, sự thắt chặt; môi sinh thử thách thường gắn với tính cá nhân, tính cá tin và sáng tạo; môi sinh không thử thách và không đe dọa thường mang tính trung gian của các khía cạnh cả về tính cách và văn hóa. Lí thuyết này gần giống với lí thuyết về sự thắt chặt - sự lỏng lẻo về văn hóa (cultural tightness-looseness) của Gelfand et al. (2017). Lí thuyết này làm rõ vấn đề các mối đe dọa lớn về

môi trường sinh thái và lịch sử đã tạo ra sự khác nhau trong mức độ gắn kết của các xã hội. Đồng thời, sự thích nghi về mặt tâm lí với những sự khác nhau này dẫn tới sự đa dạng về văn hóa trong tính cách.

Rất thú vị là chúng ta có thể tìm thấy những luận điểm tương tự trong các nghiên cứu về tính cách người Nghệ. Những trang viết về đất và người xứ Nghệ trong *Nghệ An kí* của Bùi Dương Lịch (2004) cách đây hơn 2 thế kỉ đã thấm đẫm quan điểm về ảnh hưởng sâu sắc của điều kiện tự nhiên lên tính cách con người. Những mô tả khá chi tiết của ông cho thấy thuở xưa, loại hình môi sinh ở xứ Nghệ có tính đe dọa (khí hậu khắc nghiệt + tài nguyên hiếm hoi)<sup>4</sup>, loại môi sinh gắn với tính tập thể cao, sự sợ hãi, sự thất chặt. Bùi Dương Lịch cũng đưa ra những nhận định khá trùng khớp: “Nghệ An đất xấu, dân nghèo thua xa tứ trấn nhưng phong tục sở dĩ thuần hậu chính vì như thế. Do đất xấu, dân nghèo nên chịu khổ nhẫn nại, cần cù kiệm ước đã quen nèn nếp” (Bùi Dương Lịch, 2004, tr. 247).

Bùi Dương Lịch (2004, tr. 235) không chỉ tìm thấy những nét tính cách chung của người Nghệ trên cơ sở những ảnh hưởng chung của điều kiện tự nhiên mang tính đe dọa<sup>5</sup>, ông cũng cho rằng đặc điểm tự nhiên ảnh hưởng trực tiếp lên khí chất bẩm sinh ở mỗi người. Đó là do “đất có mạch từ xa kéo đến mỗi nơi một khác, mà tính người bẩm thụ khí đó không giống nhau”. Ông giải thích thêm “Vùng có mạch đất từ Lâm An đến, núi đẹp, sông thêm mát, cho nên con người ở đây phần nhiều tính thuần hiền lành. Vùng có mạch từ Quỳnh Châu chạy đến, núi hùng vĩ, sông chảy tri tri, cho nên, con người ở đây phần nhiều hào hùng, dũng cảm. Các bậc văn nhân có học vốn thường không bị ảnh hưởng bởi khí chất ấy, chỉ có võ nhân thì ai nấy đều thể hiện đúng như bẩm sinh” (Bùi Dương Lịch, 2004, tr. 235).

Luận điểm môi sinh đe dọa ảnh hưởng lên các đặc điểm tính cách của người Nghệ được đặc biệt khai thác trong các nghiên cứu về người Nghệ sau này. Nguyễn Đồng Chi cho rằng, ở xứ Nghệ đặc điểm khí hậu cộng với địa hình núi hiểm trở, đất thiếu màu mỡ làm cho nghề trồng trọt nói chung khó phát triển: “đối với việc trồng trọt, thiên nhiên quả là không thực tình hào phóng, buộc con người phải vất vả nhiều nhưng cũng luyện cho con người chí phấn đấu cao” (Nguyễn Đồng Chi, 2010, tr. 18). Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ cho rằng “Để tồn tại và phát triển trên một thiên nhiên đất đai kém phì nhiêu, khí hậu, thời tiết lại khắc nghiệt, thất thường như vậy, con người xứ Nghệ phải thật siêng năng và tận tụy, tức là phải cần kiệm” (Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ, 2001, tr. 16).

<sup>4</sup> “Xứ Nghệ An gần núi giáp biển, đất đai sỏi sạn, cằn cỗi lại không có mấy nơi bằng phẳng rộng rãi, nên từ xưa không có chính sách đắp đê, thế thì ruộng ở đây hẹp và chênh là khá rõ. Những nơi gần núi, đốt nương, phá rẫy và làm ruộng xe quay tưới mát mà có khi hoa màu chỉ một đêm bị thú rừng giẫm phá ăn đến sạch. Những nơi giáp biển thì đắp đập ở ven bờ ngăn nước triều dâng để làm thành ruộng, nhưng gió bão vài lần thì nước mặn tràn vào hoặc bị ngập hết cả. Ruộng ở khoảng giữa thì có được vụ chiêm mát vụ mùa, ... không sao cho thu hoạch vẹn toàn” (Bùi Dương Lịch, 2004, tr. 243 - 244).

<sup>5</sup> “Người Nghệ An khí chất chất phác, đôn hậu, tính tình từ tốn, chậm chạp không sắc sảo, cho nên làm việc gì cũng giữ cẩn thận, bền vững, ít khi bị xao động bởi những lợi hại trước mắt” (Bùi Dương Lịch, 2004, tr. 235).

Nguyễn Thái Sơn và Nguyễn Văn Sang (2014) cũng cho rằng chính sự khắc khổ trong sinh hoạt do hoàn cảnh thiên nhiên khắc nghiệt đã tạo nên bản năng tự vệ, sẵn sàng ứng phó với mọi nguy nan có thể xảy ra. Trong sinh hoạt hàng ngày người dân phải phòng xa, hạn chế dục vọng, thận trọng, dè dặt.

Tuy nhiên, điều quan trọng phải chỉ ra rằng, thiên nhiên xứ Nghệ không hoàn toàn khắc nghiệt, mà có những lợi thế riêng. Chẳng hạn như Bùi Dương Lịch (2004) cho rằng khí trời của Nghệ An rất tốt, “khí âm khí dương điều hòa thích hợp”<sup>6</sup> (Bùi Dương Lịch, 2004, tr. 34). Nguyễn Đông Chi cũng cho rằng “thiên nhiên Nghệ Tĩnh hiem trở, gập ghềnh nhưng không đến nỗi hỗn độn”, hơn thế “Núi sông...vừa tạo thành nét đẹp nên thơ vừa tạo nên cái vẻ gân guốc, rắn rỏi cho Nghệ Tĩnh”, điều đó tạo nên vẻ “ngoạn mục, kì thú kêu gọi những tâm hồn sinh thơ ca” (Nguyễn Đông Chi, 2010, tr. 18). Chu Trọng Huyền nhận ra rằng, quá trình biến đổi dữ dội ở xứ Nghệ đã “tạo nên một vùng tự nhiên hiem trở nhưng phong phú, đa dạng, tiềm ẩn nhiều tài nguyên, nguồn lực lớn lao” (Chu Trọng Huyền, 2004, tr. 10). Diễn đạt theo cách của Trần Quốc Vượng thì “Nói cho cùng, sông có chia mà cũng có nối,... núi cách, sông ngăn chỉ là một cách nói” (Trần Quốc Vượng, 1998, tr. 284). Một trong những biểu hiện của sự phong phú, đa dạng này chính là xứ Nghệ mang đầy đủ những yếu tố của đất nước (Chu Trọng Huyền, 2004, tr. 11).

Luận điểm về sự phong phú của thiên nhiên xứ Nghệ được Trần Quốc Vượng (1997, 1998) đặc biệt quan tâm. Ông cho rằng, xứ Nghệ có hệ sinh thái phong phú, và “Mỗi kiểu hệ sinh thái trên đều có một quần xã sinh vật riêng, với năng suất sinh học khác nhau” (Trần Quốc Vượng, 1997, tr. 70), hơn nữa, nó tạo ra những văn hóa khác nhau và chúng ta có quyền nói về “một văn hóa sông nước - một văn hóa biển và hải đảo” ở đây (Trần Quốc Vượng, 1997, tr. 71). Ông cũng cho rằng ngoài hai hằng số núi - biển, sông - đèo, nên thêm một hằng số thứ ba là: cảng - thị (Trần Quốc Vượng, 1998, tr. 285). Ông khẳng định: “Chi thấy ở “người xứ Nghệ”... một “nông dân”,... một “kẻ sĩ”, một “ông quan”... là đúng mà chưa đủ. Ngoài những “hằng số nhân văn” đó, tôi nhận thấy ở người xứ Nghệ một “hằng số nhân văn” khác, khi tiềm ẩn, lúc hiển minh là chất: dân chài - buôn bán (Trần Quốc Vượng, 1998, tr. 286).

## 2. Yếu tố môi trường xã hội

Truyền thống, phong tục tập quán, lối sống và các sinh hoạt hàng ngày phổ biến ở một vùng/miền sẽ ảnh hưởng tới các quy chuẩn xã hội (social norms), từ đó sẽ ảnh hưởng tới thái độ, hành vi và tính cách của con người, quá trình xã hội hóa có thể tạo nên các cấu trúc, các cấu trúc sẽ khuyến khích các dạng hành vi này và không khuyến khích các hành vi khác, dẫn đến con người sẽ nội thức hóa (internalize) những thái độ và giá trị chủ đạo trong xã hội, đồng thời dần hình thành trong mình những đặc điểm tính cách mà được mọi người trong xã hội chấp nhận và khuyến khích (xem thêm: Rentfrow, 2010).

---

<sup>6</sup> “Trời Nghệ An khí hậu ôn hòa, tuy đã vào tiết tháng 10 vẫn ấm áp như thường. Mỗi năm cày cấy hai mùa... Giữa vụ hạ và vụ đông lại có lúa tháng 8. Tùy theo chất đất mà trồng trọt thì đều có thể thu hoạch được cả. Còn như các thứ rau, củ, hoa, quả, nấm, măng không tháng nào không có. Dù biết xứ này khí âm khí dương điều hòa thích hợp” (Bùi Dương Lịch, 2004, tr. 34).

Cơ chế ảnh hưởng của môi trường văn hóa xã hội lên tính cách con người được Larsen và Buss (2008) chỉ ra có hai cách tiếp cận chính: cách thứ nhất là “văn hóa được tạo nên” (evoked culture) là khả năng một tính cách xuất hiện trong tất cả mọi người chỉ trong các bối cảnh văn hóa nhất định. Đó là sự khác nhau về văn hóa được tạo ra bởi các điều kiện môi trường khác nhau sẽ kích hoạt một loạt các phản ứng/tính cách có thể đoán trước được (Larsen và Buss, 2008, tr. 556). Cách thứ hai là “văn hóa được lan truyền” (transmitted culture), là cách thức những tính cách nhất định ban đầu hình thành trong một hay một số người và sau đó được lan truyền sang nhiều người khác thông qua việc tương tác với người đó. Chẳng hạn như sự lễ phép, nghe lời bố mẹ là một tiêu chuẩn đạo đức và thể hiện ra tính cách của nhiều nền văn hóa ở châu Á (Larsen và Buss, 2008, tr. 582).

Các tư liệu về xứ Nghệ cho thấy, xã hội con người đã xuất hiện sớm ở vùng đất này và đã sớm cộng cư, hình thành những xã hội với nền văn hóa đặc thù, trong đó con người tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau. Chu Trọng Huyền cho rằng: “Bởi vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên ấy đã tạo cho Nghệ An trở thành nơi con người được xuất hiện vào buổi sớm nhất của lịch sử nhân loại và họ đã xây dựng trên quê hương mình một vùng văn hóa mang bản sắc riêng trong nền văn minh Đại Việt” (Chu Trọng Huyền, 2004, tr. 12). Xứ Nghệ được xem là một phần lãnh thổ của Việt Nam ngay từ buổi đầu dựng nước. Theo các nhà khảo cổ học, vùng đất Nghệ Tĩnh ngay từ thời hậu kì đá cũ, văn hóa Sơn Vi, đã có con người sinh sống. Con người sinh sống, bám trụ ở đó qua các thời kì lịch sử cho tới ngày nay với dấu vết của văn hóa Quỳnh Vãn, Bàu Tró, Đông Sơn<sup>7</sup> (Nguyễn Đông Chi, 2010). Thời kì Hùng Vương dựng nước, xứ Nghệ được xác định thuộc bộ Cửu Đức, là miền biên cương phía Nam của nước Văn Lang. Sang đầu thời kì Bắc thuộc, vùng đất này thuộc quận Cửu Chân, nằm dưới ách thống trị phương Bắc. Vùng đất này còn là vùng đất “tứ tắc”, tức là bốn bề hiểm trở (theo Đại Nam Nhất thống chí, trích theo Nguyễn Đông Chi, 2010, tr. 30). Do vậy, các triều đại thống trị Trung Quốc trước thế kỉ X dù cố gắng nhiều nhưng không nắm được vùng Nghệ Tĩnh. Sang thế kỉ X, khi cả nước bước vào kỉ nguyên xây dựng đất nước và xác lập chế độ phong kiến sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938, xứ Nghệ cũng chuyển sang giai đoạn phát triển mới. Tuy nhiên, thời gian đầu, chính quyền trung ương chưa kiểm soát chặt chẽ được những miền đất xa xôi nên về cơ bản không có những thay đổi đáng kể về mặt quản lí hành chính và đời sống xã hội ở thời Đinh. Đến thời Lý, Trần thì lại là đất trại của triều đình phong kiến<sup>8</sup>. Vùng miền núi lúc này vẫn là chốn “ki my”<sup>9</sup>.

<sup>7</sup> Có ý kiến cho rằng nơi đây không chỉ là đầu mối giao lưu với các nền văn hóa khác, như văn hóa Sa Huỳnh, xứ Nghệ còn là một “trạm phát” của văn hóa Đông Sơn, góp phần tạo cho văn hóa Đông Sơn có tầm ảnh hưởng khá rộng trong khu vực Đông Nam Á (Hà Nguyễn, 2013, tr. 20).

<sup>8</sup> Bốn trấn lớn xung quanh kinh đô Thăng Long: Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam, Hải Dương được gọi là kinh trấn, những trấn khác ngoài kinh trấn được gọi là phiên trấn, hay đất trại, gồm Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hương Hóa, Nghệ Tĩnh (Nguyễn Đông Chi, 2010).

<sup>9</sup> Dâm buộc lòng leo: chỉ địa phương phụ thuộc, cho được tự quản.

Có thể thấy, nằm trong dòng chảy đầy biến động lịch sử chung của cả nước, xứ Nghệ có những đặc thù riêng. Xét về mặt đất đai và đơn vị hành chính, từ giữa thiên niên kỉ thứ nhất, xứ Nghệ đã giữ vị trí trọng yếu của quốc gia, vừa là tiền đồn trong các hoạt động chiến tranh ở phía Nam, vừa là hậu phương của các cuộc đấu tranh chống kẻ thù phương Bắc. Trong thời đại phong kiến, Nghệ Tĩnh được coi như “*phên dậu*” của tổ quốc ở phía Nam, “không phải chỉ là bức bình phong ngăn chặn các đạo quân xâm lược đến từ phương Nam, Nghệ Tĩnh còn là kho dự trữ chiến lược về nhân lực, vật lực, tài lực trong cuộc đấu tranh chống các đạo quân xâm lược đến từ phương Bắc (Đình Gia Khánh, 1997, tr. 101). Bởi vậy, “không những An Dương Vương chống quân xâm lược Triệu, nhà Trần chống quân Nguyên, nhà Hồ, nhà Hậu Trần chống quân Minh đều kéo nhau về đây, hi vọng lấy đất này làm căn cứ mà quật lại kẻ thù, Hàm Nghi chống Pháp cũng chọn nơi đây để quật ngọn lửa kháng chiến đi các tỉnh trong Nam ngoài Bắc” (Nguyễn Đông Chi, 2010, tr. 22). Xứ Nghệ với đặc điểm tự nhiên nhiều “thiên tai”, trong quá trình tồn tại lại nhiều “địch họa”, người xứ Nghệ được xem là đã được hun đúc từ các cuộc đấu tranh sinh tồn này. Các nhà nghiên cứu đều cho rằng, xứ Nghệ là mảnh đất có truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm bất khuất và điều này cũng ảnh hưởng lên cuộc sống, tính cách của con người xứ Nghệ. Nhiều ý kiến cho rằng, những cuộc đấu tranh này đã tạo nên tính cách anh hùng của người dân xứ Nghệ, “qua rất nhiều tôi luyện trong đấu tranh, người xứ Nghệ tạo cho mình một tính cách riêng, trong đó nổi bật là dũng cảm và nghị lực” (Nguyễn Đông Chi, 2010, tr. 21). Hà Nguyễn (2013, tr. 11) cũng cho rằng: “Yếu tố thiên nhiên, lịch sử đã ảnh hưởng rõ nét tới tính cách con người xứ Nghệ. Để đảm bảo sự sinh tồn, con người nơi đây vừa phải gồng mình chống chọi lại thiên nhiên khắc nghiệt, vừa sẵn sàng chiến đấu chống kẻ thù xâm lược. Bên cạnh đó, họ cũng biết chắt chiu, tận tiện để duy trì cuộc sống và tái sản xuất, vượt qua những thử thách của thiên nhiên”.

Hơn nữa, hoàn cảnh tự nhiên và lịch sử này cũng được xem là yếu tố tạo nên tính cố kết trong cộng đồng người xứ Nghệ. Rõ ràng, xứ Nghệ không chỉ có một môi sinh đe dọa (threatening)<sup>10</sup> mà còn có cả nhiều địch họa, nên rất dễ hiểu là xã hội thuộc mô hình “thắt chặt” (tightness)<sup>11</sup>. Trong hoàn cảnh những bất hạnh luôn rình rập, cái đói nghèo đe dọa thường xuyên, con người xứ Nghệ biết rằng đã *cộng cư* phải *cộng cảm* mới *cộng sinh* được, hay nói ngược lại, muốn *cộng sinh* phải *cộng cảm* khi đã *cộng cư* (Ninh Viết Giao, 2003, tr. 268). Từ cộng cư đến cộng đồng sản xuất, cộng đồng chống thiên tai, làm thủy lợi, giữ an ninh trật tự,... Rồi khi có giặc ngoại xâm, làng còn là một cộng đồng chiến đấu (Ninh Viết Giao, 2003, 269). Hồ Bất Khuất (2019) cũng cho rằng sinh hoạt cộng đồng làng xóm ở xứ Nghệ rất chặt chẽ, thân thiện từ bao đời nay, gắn với lễ hội cũng như những sinh hoạt hàng ngày. Bùi Dương Lịch đã có những dòng viết về tính cộng đồng

---

<sup>10</sup> Theo Van de Vliert (2009), xem phần 2.1.

<sup>11</sup> Theo Gelfand et al. (2017), xem phần 2.1.



trong binh lính Nghệ An và con người xứ Nghệ: “Ràng buộc nhau, chế ngự nhau, bảo vệ nhau, yêu thương nhau, hồn nhiên ở trong vòng pháp chế, mà không biết tại sao lại được thế, cho nên đạt đến tính mạnh và không gây ra oan khổ” (Bùi Dương Lịch, 2004, tr. 243). Có thể nói, đây chính là biểu hiện của cơ chế “văn hóa lan truyền” trong mô hình ảnh hưởng của văn hóa lên tính cách của Larsen và Buss (2008).

Gia đình người xứ Nghệ được cho là có gia phong nề nếp. Với đặc điểm tự nhiên “tứ tắc”, là vùng biên viễn xa xôi, thực hiện chế độ ki my trong thời gian khá dài. Thời kì này vua quan chưa đủ sức giữ an ninh trật tự cho nhân dân nên các gia đình, gia tộc phải tự túc phần lớn về vấn đề bảo vệ sự bình an cho con cháu của mình, cho tài sản của mình, cho sự tồn tại lâu dài của dân tộc mình. Một trong những biện pháp để bảo vệ điều đó là phải nêu cao vấn đề gia giáo, gia pháp, gia phong. Theo nhà nghiên cứu Ninh Viết Giao, sau khi xứ Nghệ được phong kiến hóa (từ thế kỉ XV) thì đạo lí của Khổng Mạnh đã bồi đắp thêm cho nội dung của gia phong và điều đó trường tồn ở xứ Nghệ cho mãi đến những thập niên gần đây của thế kỉ này (Ninh Viết Giao, 2004, tr. 28 - 29). Ông cho rằng, gia đình gia phong xứ Nghệ có ảnh hưởng của Nho giáo, song văn hóa gia đình của nhân dân xứ Nghệ vẫn lấy đạo lí truyền thống của dân tộc làm cơ bản. Đó là bốn chữ: *hiếu, hòa, nhân, tình* (Ninh Viết Giao, 2004, tr. 16).

### 3. Yếu tố lịch sử di cư và gien di truyền

Trong lí thuyết về sự khác biệt mang tính vùng miền của tính cách, yếu tố di cư có tính chọn lọc xuất phát từ tiếp cận tâm lí học. Quá trình này có thể được xem như một quá trình mà con người di chuyển tới những nơi thỏa mãn và gia cố được những nhu cầu tâm lí cơ bản. Rentfrow và Jokela (2017) chỉ ra rằng: đặc điểm tính cách và tâm lí sẽ quyết định nơi sinh sống của con người, chẳng hạn như những người có tính cách cởi mở (đi kèm với sáng tạo, tò mò) có xu hướng di chuyển giữa các vùng khác nhau, đặc biệt là tiến tới thành thị và trung tâm. Những người có tính cách dễ mền (kèm theo âm áp, rộng lượng, hợp tác) thì có xu hướng ở một chỗ lâu dài với hàng xóm, gần gia đình và bạn bè; Con người luôn tìm kiếm và kiến tạo các môi trường vật lí mà ở đó các tính cách của họ có thể thể hiện ra được. Những con người có cùng chung các đặc điểm về tính cách sẽ dần dần quy tụ lại ở một số khu vực nhất định và lâu dần những tính cách đó được bồi đắp, cộng hưởng và trở thành đặc tính chung cho vùng/miền đó. Như vậy, giả thuyết về yếu tố này có thể gợi ý đến sự khác nhau trong tính cách có thể là kết quả của sự tích tụ gien.

Các tài liệu ghi chép về lịch sử con người xứ Nghệ cũng có ít nhiều nhắc tới các cuộc di cư, dù tự nguyện hay bắt buộc. Hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng tổ tiên của cư dân Nghệ An được bắt đầu từ những con người nguyên thủy và cộng đồng người Nghệ An là cư dân bản địa, tuy nhiên, trong quá trình phát triển có sự tiếp nhận, hòa huyết đối với các luồng di cư khác<sup>12</sup>.

<sup>12</sup> Xem thêm: Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ (2001); Chu Trọng Huyền (2004); Nguyễn Đồng Chi (2010).

Các tác giả cho rằng, trong những đợt người từ các nơi di cư tới thì đáng kể nhất là từ phương Bắc, ngoài ra, còn có các luồng di chuyển từ các vùng cư trú trong nội bộ lãnh thổ Việt Nam. Trong thời phong kiến, những người di cư đến xứ Nghệ có thể có hai loại chính: (1) Các quan tướng triều đình đem gia quyến họ di cư tới do họ có thực tài được triều đình tin cậy nên cử vào đây trấn giữ vì là “phên dậu” của đất nước (Hà Nguyễn, 2013, tr. 14); (2) Các tội phạm triều đình bị lưu đày. Nghệ Tĩnh là vùng biên viễn, viễn trấn, là “vùng đất hứa”, nơi ẩn náu của loạn thần tặc tử hay của bọn du thủ du thực (Nguyễn Nhã Bản, 2001, tr. 137). Nguyễn Đông Chi (2010, tr. 21) cho rằng, con người xứ Nghệ một phần là dòng dõi của những người nổi dậy chống triều đình ở Đàng ngoài, những tù binh đủ các chủng loại bị lưu đày, nên nói chung họ quen chịu đựng đau khổ, nhưng lại không quen chịu nhục. Về mặt dân tộc và ngôn ngữ, hiện nay đại bộ phận dân cư là dân tộc Kinh, người Thái là dân tộc chiếm đa số ở miền núi, ngoài ra xứ Nghệ còn có các dân tộc Mông, Đan Lai Cuối, Thổ, Tày Pọng, Mã Liềng, Cọi,... (Nguyễn Đông Chi, 2010). Rõ ràng “Con người xứ Nghệ, cộng đồng cư dân xứ Nghệ không phải là một thực thể nhất thành bất biến mà phát triển, chuyển biến liên tục qua trường kì lịch sử” (Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ, 2001, tr. 29).

Sự “*hòa huyết*” mà các tác giả đề cập đến ở đây có thể hiểu là sự tương tác, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cá nhân trong cộng đồng đó, giữa những người bản địa và những người từ các vùng có điều kiện tự nhiên và xã hội khác. Tuy hầu như các nghiên cứu này không nhắc tới yếu tố “*gien*” di truyền, nhưng có thể hiểu “*hòa huyết*” ở đây như là quá trình tích tụ *gien*.

### **Kết luận**

Các yếu tố ảnh hưởng đến tính cách con người được đề cập ở trên tương tác lẫn nhau theo nhiều chiều và khó có thể xác định được yếu tố nào có tính quyết định. Tính cách con người, đến lượt nó lại tác động trở lại các yếu tố trên, biểu hiện cụ thể trên các yếu tố về vốn xã hội, khuynh hướng chính trị và đặc biệt là sức khỏe của con người (xem thêm Rentfrow, 2010). Sự thay đổi của một trong ba yếu tố trên, có thể dẫn tới sự thay đổi của tính cách. Với dòng biến đổi của lịch sử, do đó, khi bàn tới tính cách, chúng ta cần đặt nó trong một bối cảnh không gian và thời gian cụ thể. Gần đây đã có một số ý kiến bàn về sự biến đổi của tính cách người Nghệ. Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ (2001, tr. 33) cho rằng, hiện nay Nghệ Tĩnh không còn là “*tứ tắc*” như thời xưa do có sự phát triển về cơ sở hạ tầng, giao thông và yếu tố địa lí nay lại là lợi thế cho xứ Nghệ bởi sự đa dạng về địa hình và đường biển dài. Bùi Dương Lịch (2004, tr. 239) cũng có quan điểm này khi ông viết về văn chương người Nghệ An, ông cho rằng, “Gần đây, các ông (người Nghệ An) sinh ra và lớn lên ở kinh đô mới có những thi tập lưu truyền với đời, đó cũng là do khí vị đã có sự thay đổi”.

Chúng tôi cho rằng, nếu vội vã phát biểu hay đưa ra những nhận định không đúng về tính cách vùng/miền nói chung, xứ Nghệ nói riêng, có thể dẫn tới những định kiến về con người ở đó. Vì thế, những nghiên cứu tiếp theo về tính cách con người xứ Nghệ vẫn cần được tiếp tục với cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu dựa trên các căn cứ khoa học rõ ràng. Cần có các nghiên cứu tiếp theo để làm rõ cơ chế ẩn dưới mối quan hệ giữa các biến sinh thái, văn hóa và tính cách như các yếu tố: sự lan truyền văn hóa, tiến hóa về gien, các quá trình biểu sinh và các yếu tố mang tính tình huống (Church, 2017b, tr. 33). Thêm vào đó, nghiên cứu về tính cách người Nghệ trong bối cảnh mới hiện nay, nhất là nghiên cứu có cập nhật các cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu hiện đại, tương đồng với các lí thuyết trên thế giới còn vắng bóng<sup>14</sup>. Vì thế, việc nghiên cứu một cách bài bản về tính cách người Nghệ cũng như người dân các khu vực khác ở Việt Nam trong bối cảnh mới sẽ chỉ ra các tính cách đặc thù của người dân, cũng như các yếu tố ảnh hưởng lên các tính cách này, sẽ có ý nghĩa thực tiễn để làm căn cứ cho việc hoạch định và thực thi các chương trình phát triển kinh tế, xã hội của vùng đất được nghiên cứu cũng như của đất nước.

#### Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh. 1992. *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Nhã Bản (chủ biên). 2001. *Bản sắc văn hóa của người Nghệ Tĩnh trên dẫn liệu ngôn ngữ*. Nxb. Nghệ An.
3. Benet-Matinez, V. and Oishi, S. 2008. "Culture and Personality". In *Handbook of Personality Theory and Research*. 3<sup>rd</sup> Edition. Edited by Oliver P.Johns, Richard W.Robins, Lawrence A.Pervin, pp.542-567. New York, London: The Guilford Press.
4. Quốc Chấn. 2003. "Một số đặc điểm tâm lí người xứ Thanh". Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 4.
5. Nguyễn Đông Chi. 2010. *Địa chí Văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh*. Nxb. Nghệ An.
6. Church. A.T. 2017a. "Preface". In *The Praeger handbook of personality across cultures: Trait psychology across cultures*, edited by A. Timothy Church, pp. ix-xii. Praeger/ABC-CLIO.
7. Church. A.T. 2017b. "Personality across Cultures: Historical Overview and Current Topics". In *The Praeger handbook of personality across cultures: Trait psychology across cultures*, edited by A. Timothy Church, pp. 1-46. Praeger/ABC-CLIO.

---

<sup>14</sup> Các nghiên cứu ở nhiều nơi trên thế giới đã áp dụng khung năm nhân tố lớn - Big Five Frame work để đưa ra bằng chứng chỉ ra sự khác nhau về tâm lí và tính cách theo vùng. Các nhân tố bao gồm: hướng ngoại (Extraversion), dễ mến (Agreeableness), tận tâm (Conscientiousness), nhiều tâm (Neuroticism), cởi mở (Openness), đây là mô hình thực nghiệm được chấp nhận khá rộng rãi. Các phân tích về sự khác biệt tính cách giữa các quốc gia và mối liên hệ của chúng với các chỉ báo về chính trị, kinh tế xã hội, sức khỏe thường dựa trên việc khảo sát với quy mô mẫu nhất định để tính điểm trung bình của 5 nhân tố trên.

8. Vũ Dũng. 2009. *Tâm lý học dân tộc*. Nxb. Từ điển Bách khoa. Hà Nội.
9. Gelfand, M. J., Harrington, J. R., and Fernandez, J. R. 2017. “Cultural tightness-looseness: Ecological affordances and implications for personalit”. In A. T. Church (Ed.). *The Praeger handbook of personality across cultures: Evolutionary, ecological, and cultural contexts of personality* (p. 207-235). Praeger/ABC-CLIO.
10. Ninh Viết Giao. 2003. *Về văn hóa xứ Nghệ*. Nxb. Nghệ An.
11. Ninh Viết Giao. 2004. “Gia phong xứ Nghệ trong bối cảnh đất nước đổi mới”. In trong *Kỷ yếu Hội thảo Gia phong xứ Nghệ trong bối cảnh đất nước đổi mới*. Nxb. Nghệ An.
12. Trần Văn Giàu. 2011. *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
13. Götz, FM; Ebert T and Rentfrow PJ. 2018. “Regional Cultures and the Psychological Geography of Switzerland: Person - Environment - Fit in Personality Predicts Subjective Wellbeing”. *Front. Psychol.* 9:517.
14. Greaves, LM. Cowie L J, Fraser G et al. 2015. “Regional Differences and Similarities in the Personality of New Zealanders”. *New Zealand Journal of Psychology*, Vol. 44, No. 1, March 2015. Pp 4-16.
15. Trương Thị Khánh Hà và Trần Hà Thu. 2017. “Năm nhân tố rút gọn (BFI-S) trên nhóm khách thể người Việt Nam”. Tạp chí *Tâm lý học*, số 10(223).
16. Lê Bá Hán và Đoàn Minh Duệ. 2001. *Con người Nghệ An trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Nxb Nghệ An. Nghệ An.
17. Vũ Đăng Hiến. 2019. *Người Nghi Lộc*. Nxb. Công an nhân dân. Hà Nội.
18. Nguyễn Văn Huyền. 1990. *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, tập 2. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
19. Chu Trọng Huyền. 2004. *Tính cách người Nghệ*. Nxb. Nghệ An. Nghệ An.
20. Đinh Gia Khánh, Cù Huy Cận. 1995. *Các vùng văn hóa Việt Nam*. Nxb. Văn học. Hà Nội.
21. Đinh Gia Khánh. 1997. “Thử tìm hiểu cơ sở lịch sử xã hội của vùng văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh”. In trong *Văn hóa truyền thống các tỉnh Bắc Trung Bộ: Kỷ yếu hội thảo khoa học*. Nxb. Khoa học xã hội.
22. Hồ Bất Khuất. 2019. “Tính cách người Nghệ: Hay, dở và mong muốn của chúng ta”. *Tạp chí Văn hóa Nghệ An*, (<http://www.vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/dien-dan/item/12843-tinh-cach-nguoi-nghe-hay-do-va-mong-muon-cua-chung-ta>).
23. Larsen, R. J., and Buss, D. M. 2008. *Personality psychology: Domains of knowledge about human nature* (3rd Ed.). New York: McGraw Hill. 2002.
24. Vũ Thị Phương Lê. 2013. “Tính cách con người xứ Nghệ”. Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 12 (73).
25. Bùi Dương Lịch. 2004. *Nghệ An ký*. Quyển 1 và 2. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
26. Hà Nguyễn. 2013. *Tiểu vùng văn hóa xứ Nghệ* (Nghệ An - Hà Tĩnh). Nxb. Thông tin và Truyền thông. Hà Nội.

27. Nguyễn Hồng Phong. 1963. *Tìm hiểu tính cách dân tộc*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
28. Rentfrow. P.J. 2010. "Statewide Differences in Personality Toward a Psychological Geography of the United States". *American Psychologist*. Vol.65, No.6, 548-558.
29. Rentfrow. P.J, Jokela M, Lamb ME. 2015. "Regional Personality Differences in Great Britain". *PLoS ONE* 10(3): e0122245. doi:10.1371/journal.pone.0122245
30. Rentfrow.P.J and Jokela, M. 2017. "Regional Differences in Personality: Causes and Consequences". In A. T. Church (Ed.), *The Praeger handbook of personality across cultures: Trait psychology across cultures*, edited by A. Timothy Church, pp. 225-250. Praeger/ABC-CLIO.
31. Nguyễn Thái Sơn và Nguyễn Văn Sang. 2014. "Văn hóa truyền thống và vấn đề xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao ở xứ Nghệ trong thời kì hội nhập". Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 3 (72).
32. Nguyễn Hải Thanh. 2013. "Tính cách người Việt Nam và tính cách một số dân tộc ít người ở nước ta". Tạp chí *Giáo dục*, số 307.
33. Trần Lệ Thanh. 2012. *Tính cách dân tộc Mông ở khu vực phía Bắc Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Tâm lí học.
34. Trần Ngọc Thêm. 2016. *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*. Nxb. Văn hóa văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh. Tp. Hồ Chí Minh.
35. Ngô Đức Thịnh. 2019. *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở nước ta*. Nxb. Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Tp. Hồ Chí Minh.
36. Hoàng Đạo Thúy. 1998. *Người và cảnh Hà Nội*. Nxb. Hà Nội. Hà Nội.
37. Van de Vliert, E. 2009. *Climate, affluence, and culture*. Cambridge University Press.
38. Van de Vliert, E. 2013. "Climato-economic habitats support patterns of human needs, stresses, and freedoms". *Behavioral and Brain Sciences*, 36, 465-480. doi: 10.1017/s0140525x12002828 PMID:23985270.
39. Viện Ngôn ngữ học. 1998. *Từ điển Tiếng Việt*. Trung tâm từ điển học Hà Nội - Đà Nẵng. Đà Nẵng.
40. Trần Quốc Vượng. 1997. "Văn hóa biển và sông nước ở (phía Bắc) miền Trung Việt Nam: một cái nhìn sinh thái nhân văn". In trong *Văn hóa truyền thống các tỉnh Bắc Trung Bộ: Kỉ yếu hội thảo khoa học*. Nxb. Khoa học xã hội.
41. Trần Quốc Vượng. 1998. "Một cái nhìn địa văn hóa về xứ Nghệ trong bối cảnh miền Trung". In trong *Việt Nam, cái nhìn Địa - Văn hóa*. Nxb. Văn hóa dân tộc. Hà Nội.